

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT  
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 23/2024/DS-ST

Ngày: 20 - 5 - 2024

V/v: “*Tranh chấp hợp  
đồng vay tài sản*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT, TỈNH LÂM ĐỒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Vân Anh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Tuyên

Bà Mai Lương Anh

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt tham gia phiên tòa:**  
Bà Hồ Thị Thanh – Kiểm sát viên

Ngày 20 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 222/2023/TLST-DS ngày 20 tháng 10 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2024/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà **Phạm Thị Thu H**, sinh năm 1979.

Địa chỉ: **Số C, đường Đ, phường D, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng**

Người đại diện hợp pháp: Bà **Nguyễn Thị Kim L**, sinh năm 1977. Địa chỉ: **Lô E, khu Q, phường E, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng**, là người đại diện theo ủy quyền (*Văn bản ủy quyền ngày 27/11/2023*). Bà **L** có mặt tại phiên tòa.

- **Bị đơn:** Bà **Lê Thị Đ** sinh năm 1966.

Địa chỉ: **Số E, đường V, phường H, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng**. (*Vắng mặt tại phiên tòa*).

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1955. Địa chỉ: **Số B, đường V, phường E, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng**. (*Vắng mặt tại phiên tòa*).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như trình bày của bà **L** là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày:

Do bà **Lê Thị Đ** có quen biết với gia đình bà **Phạm Thị Thu H** nên bà **Đ** có hỏi vay bà **H** số tiền 300.000.000đ, lãi suất 01%/tháng, khi vay không viết giấy vay tiền và thoả thuận lãi suất mà chỉ thoả thuận miệng, các bên cũng không thoả thuận thời hạn trả nợ nhưng có thoả thuận khi gia đình bà **H** cần tiền thì nói bà **Đ** bà **Đ** sẽ trả lại ngay số tiền nói trên. Ngày 18/9/2012, bà **H** đã chuyển cho bà **Đ** 300.000.000đ, có ghi nội dung “Chuyển tiền cho vay”. Bà **Đ** hứa sẽ trả lãi hàng tháng nhưng bà cũng không thực hiện. Bà **Đ** khai bà **T** đã nhận của bà **Đ** 150.000.000đ là hoàn toàn không đúng, bà **T** không nhận bất kỳ khoản tiền nào từ bà **Đ**. Bà **H** khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết buộc bà **Lê Thị Đ** phải trả cho bà **H** số tiền gốc 300.000.000đ và lãi suất 01%/tháng từ ngày cho vay đến ngày khởi kiện là 1.112.775.440đ. Tổng cộng là 1.412.775.440đ và phải chịu lãi trên số tiền gốc cho đến khi thanh toán xong khoản nợ vay. Tuy nhiên, bà **H** xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi, bà **H** chỉ yêu cầu bà **Đ** trả tiền lãi 10%/năm từ 18/9/2012 đến ngày 08/8/2023 là 927.312.860đ. Tổng cộng yêu cầu bà **Đ** trả cho bà **H** số tiền 1.227.312.860đ. Trong đó: 300.000.000đ tiền gốc và 927.312.860đ tiền lãi.

Theo biên bản lấy lời khai của bị đơn bà **Lê Thị Đ** ngày 15/4/2024 thì: Vào năm 2012 bà **Đ** có vay của bà **Phạm Thị Thu H** số tiền 300.000.000đ, lãi suất 10%/tháng (một tháng bà **Đ** phải trả cho bà **H** 30.000.000đ tiền lãi), bà **Đ** trả tiền lãi cho bà **Hiền t** năm 2012 đến năm 2015. Bà đã trả cho bà **T** là mẹ ruột của bà **H** số tiền gốc 150.000.000đ, bà **T** có viết giấy nhận số tiền 150.000.000đ nhưng do bà bán nhà và dọn nhà trong đợt dịch Covid 19 nên đã bị lạc mất giấy nhận tiền. Sau đó bà trả thêm cho bà **H** 100.000.000đ tiền gốc, hai bên không viết giấy giao nhận. Bà xác định chỉ còn nợ bà **H** 50.000.000đ. Khi cho vay hai bên không hẹn thời hạn trả nợ nhưng có thoả thuận miệng thời hạn vay là 03 năm. Khi chuyển tiền cho bà **Đ** vay thì không ghi là cho vay tiền nên bà **H** khởi kiện bà về việc vay tài sản là không đúng bản chất sự việc. Từ khi cho vay đến nay bà **H** cũng không gọi điện cho bà **Đ** để yêu cầu bà **Đ** trả tiền, lý do gì bà **H** không đi khởi kiện bà khi bà không trả tiền mà để đến thời điểm hiện tại mới đi khởi kiện. Nay bà **H** khởi kiện yêu cầu bà **Đ** trả số tiền gốc 300.000.000đ và tiền lãi 1.112.775.440đ thì bà **Đ** không đồng ý, bà **Đ** chỉ đồng ý trả bà **H** 50.000.000đ tiền gốc.

Theo bản tự khai của bà **Nguyễn Thị T** là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thì: Gia đình bà và bà **Đ** là chỗ quen biết, thân tình. Do bà **Đ** biết được gia đình bà vừa bán nhà nên có tiền nhàn rỗi. Bà **Đ** đã đề nghị với con gái bà là bà

Phạm Thị Thu H để vay số tiền 300.000.000đ, bà Đ hứa trả lãi suất 01%/tháng, và thoả thuận khi nào con gái bà cần thì bà Đ sẽ trả ngay tiền gốc và lãi đầy đủ. Theo đó, ngày 18/9/2012, bà H đã chuyển cho bà Đ vay số tiền 300.000.000đ vào tài khoản của bà Đ. Đến khi gia đình bà cần tiền để mua đất thì bà Đ có tình trốn tránh, không trả tiền cho bà H. Bà T khẳng định bà T không nhận bất kỳ một khoản tiền nào từ bà Đào, bà Đ khai đã trả cho bà 150.000.000đ thì đề nghị bà Đ phải cung cấp chứng cứ chứng minh cho Toà án.

Toà án tiến hành hoà giải nhưng không được do bà Đ và bà T có đơn xin hoà giải và xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa, bà L là người đại diện theo uỷ quyền của bà H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu bà Đ phải trả số tiền gốc là 300.000.000đ (*ba trăm triệu đồng*). Đối với số tiền lãi bà H yêu cầu bà Đ trả tiền lãi theo quy định cụ thể:

+ Từ ngày 18/9/2012 đến ngày 31/12/2016 (tính lãi theo Bộ luật dân sự năm 2005) là 51 tháng 13 ngày x 09%/năm = 115.725.000đ (*một trăm mười lăm triệu bảy trăm hai mươi lăm nghìn đồng*).

+ Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 20/5/2024 (ngày xét xử vụ án) là 88 tháng 19 ngày x 10%/năm = 221.583.327đ (*hai trăm hai mươi một triệu năm trăm tám mươi ba nghìn ba trăm hai mươi bảy đồng*).

Tổng cộng tiền lãi là: 337.308.327đ (*ba trăm ba mươi bảy triệu ba trăm linh tám nghìn ba trăm hai mươi bảy đồng*).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng phát biểu đánh giá về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và đánh giá về việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn và người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn, bị đơn và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn đã chấp hành đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chấp hành chưa đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 72 của của Bộ luật tố tụng dân sự.

Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Theo yêu cầu khởi kiện của bà H, bà H yêu cầu bà Đ trả số tiền gốc 300.000.000đ và tiền lãi 1.112.775.440đ. Tuy nhiên, tại đơn sửa đổi bổ sung đơn khởi kiện ngày 18/4/2024, bà H chỉ yêu cầu bà Đ trả số tiền lãi 927.312.860đ nên đình chỉ giải quyết đối với số tiền lãi 184.462.580đ. Đồng thời, tại phiên tòa, bà L là người đại diện theo uỷ quyền của bà Đ rút một phần yêu cầu tính lãi đối với số tiền 590.004.533đ. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà H đối với tổng

số tiền lãi là 774.467.113đ (*bảy trăm bảy mươi bốn triệu bốn trăm sáu mươi bảy nghìn một trăm mười ba đồng*).

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà **Phạm Thị Thu H.** Buộc bị đơn bà **Lê Thị Đ** phải trả cho nguyên đơn bà **Phạm Thị Thu H** tổng số tiền gốc 300.000.000đ (*ba trăm triệu đồng*) và tiền lãi cụ thể như sau:

+ Từ ngày 18/9/2012 đến ngày 31/12/2016 theo quy định tại khoản 2 Điều 476 Bộ luật dân sự 2005 và Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29 tháng 11 năm 2010 của **Ngân hàng N** thì mức lãi suất sẽ là 9%/ năm là 115.725.000đ.

+ Từ ngày 01/7/2017 đến ngày 08/8/2023 theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 là 198.083.333đ.

Như vậy, tổng cộng tiền lãi từ ngày 18/9/2012 đến ngày 08/8/2023: 115.725.000đ + 198.083.333đ = 313.808.333đ.

Đối với yêu cầu của nguyên đơn tính lãi đến ngày 20/5/2024, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, tính lãi suất từ ngày 09/8/2023 đến 20/5/2024 theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật tố tụng dân sự.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện các thủ tục tố tụng đặt cho bị đơn bà **Lê Thị Đ** nhưng do bà **Đ** không thể đến Tòa án làm việc nên tại biên bản lấy lời khai ngày 15/4/2024 bà **Đ** có yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà **Nguyễn Thị T** có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:* Xét thấy, theo chứng từ giao dịch ngày 18/9/2012, thể hiện bà **Phạm Thị Thu H** có chuyển vào số tài khoản 64110000522737 mang tên **Lê Thị Đ** số tiền 300.000.000đ, với nội dung “*Chuyển tiền cho vay*”. Bà **Đ** cũng thừa nhận vào năm 2012 có vay của bà **H** 300.000.000đ. Như vậy, việc vay mượn số tiền 300.000.000đ là có thật. Bà **Đ** trình bày đã trả cho bà **H** số tiền 250.000.000đ (trong đó, trả cho bà **T** là mẹ ruột của bà **H** 150.000.000đ; trả cho bà **H** 100.000.000đ) và trả tiền lãi cho bà **Hiền t** năm 2012 đến năm 2015 nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ đã trả số tiền 250.000.000đ và tiền lãi cho bà **H** nên lời trình bày của bà **Đ** không có căn cứ. Do đó, bà **H** khởi kiện yêu cầu bà **Đ** trả số tiền gốc 300.000.000đ là có cơ sở chấp nhận.

Đối với yêu cầu tính lãi thì: Khi cho vay các bên không thể hiện về việc thỏa thuận lãi suất. Theo quy định tại khoản 2 Điều 357 thì “*Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này*”. Như vậy, ngày 18/9/2012 bà H chuyển cho bà D vay 300.000.000 đồng, đến ngày 17/8/2023 mới nộp đơn khởi kiện, do đó tiền lãi suất sẽ được tính theo hai mốc thời gian cụ thể như sau:

- Từ 18/9/2012 đến 31/12/2016 là 51 tháng 13 ngày sẽ được tính theo quy định tại khoản 2 Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005 và Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29 tháng 11 năm 2010 của Ngân hàng N thì mức lãi suất sẽ là 9%/năm (bằng mức lãi suất mà do Ngân hàng N công bố), cụ thể:  $300.000.000đ \times 9\% \times 51 \text{ tháng } 13 \text{ ngày} = 115.725.000đ$  (một trăm mười lăm triệu bảy trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

- Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 20/5/2024 là 88 tháng 19 ngày sẽ được tính theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 là 10%/năm, cụ thể:  $300.000.000 \times 10\% \times 88 \text{ tháng } 19 \text{ ngày} = 221.583.327đ$  (hai trăm hai mươi một triệu năm trăm tám mươi ba nghìn hai trăm hai mươi bảy đồng).

Tổng tiền lãi là 337.308.327đ (ba trăm ba mươi bảy triệu ba trăm linh tám nghìn ba trăm hai mươi bảy đồng).

Bà H thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện và rút yêu cầu đối với số tiền lãi 774.467.113đ (bảy trăm bảy mươi bốn triệu bốn trăm sáu mươi bảy nghìn một trăm mười ba đồng), chỉ yêu cầu bà D trả số tiền lãi 337.308.327đ (ba trăm ba mươi bảy triệu ba trăm linh tám nghìn ba trăm hai mươi bảy đồng) là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà H được chấp nhận nên bà D phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

### QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 227, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 471 và 476 của Bộ luật dân sự 2005;

Căn cứ vào các Điều 357, 463, 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Thu H về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” đối với bà Lê Thị Đ.

Buộc bà **Lê Thị Đ** phải có trách nhiệm trả cho bà **Phạm Thị Thu H** số tiền 637.308.327đ (*sáu trăm ba mươi bảy triệu ba trăm lẻ tám nghìn ba trăm hai mươi bảy đồng*). Trong đó: tiền gốc 300.000.000đ (*ba trăm triệu đồng*) và tiền lãi là 337.308.327đ (*ba trăm ba mươi bảy triệu ba trăm linh tám nghìn ba trăm hai mươi bảy đồng*).

Kể từ ngày bà **H** có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà **Phạm Thị Thu H** đối với số tiền lãi 774.467.113đ (*bảy trăm bảy mươi bốn triệu bốn trăm sáu mươi bảy nghìn một trăm mười ba đồng*).

### 3. Về án phí:

3.1. Buộc bà **Lê Thị Đ** phải chịu 29.092.333đ (*hai mươi chín triệu không trăm chín mươi hai nghìn ba trăm ba mươi ba đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3.2. Hoàn trả cho bà **Phạm Thị Thu H** số tiền 27.192.000đ (*hai mươi bảy triệu một trăm chín mươi hai nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí theo biên lai tạm ứng án phí số 0002977 ngày 20 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

4. Quyền kháng cáo: Bà **H** có quyền làm đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử theo trình tự phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bà **Đ** được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết bản án.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

### Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Lâm Đồng;
- VKS T.p Đà Lạt;
- Chi cục THA DS Tp Đà Lạt;
- Các đương sự;
- Lưu HS, THA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đỗ Thị Vân Anh**



